



TỪ VỰNG 2 • Unit 1 ► My Hobbies

1. foreign languages	v	ngoại ngữ
2. do gardening	v	làm vườn
3. result	n	kết quả
4. play monopoly	v	Chơi cờ ti phú
5. make pottery	v	làm gốm
6. carve – carving	v	Điêu khắc (cái gì đó)
7. wood	n	Gỗ
8. ice-skate	v	Trượt băng
9. make models	v	Làm mô hình
10. egg-shells	n	Vỏ (trứng vịt, gà, ...)
11. fragile	adj	Dễ bể, vỡ



Điền vào chỗ trống với từ thích hợp để hoàn thành câu

- My friend can speak three _____ - English, Chinese and French.
- I usually play _____ with my younger brother in my free time. We have a lot of fun.
- These carved egg-shells are very _____.
- My grandparents like planting and taking care of trees and flowers. They love _____ a lot, they can spend hours in the garden.
- My children like _____ of cars, buildings, and robots.
- My father started carving _____ three years ago.
- Bát Tràng is famous for _____.
- My brother enjoys _____ wood because it develops his imagination and trains his patience.
- He always gets good _____ at school because he studies very hard.
- In the winter, we usually go _____ in mountains.

Điền vào từ thích hợp để hoàn đoạn văn



I have a lot of different hobbies. One of my favorite hobbies is learning _____ (11). I like learning English, French and Chinese because they are very useful for me in the future. My next hobby is _____ (12). I usually usually spend my weekends in the garden with my grandparents. I love watching green trees, colorful flowers and birds singing in the sky. I don't like outdoor activities such as playing soccer, going surfing, or _____ (13) because they are very challenging. The last one I want to share is quite unusual – carving _____ (14). It usually takes me hours or days to complete one shell. I started _____ (15) egg-shells two years ago. I usually use my _____ (16) to decorate my house and give my friends as unique presents.



Biên soạn và tổng hợp bởi Lê Công Đức



Đăng ký kênh để học online nhé!

Learning hard, living happily! | 5

LIVEWORKSHEETS

TỪ VỰNG 3 • Unit 1 ► My Hobbies

1. amazing = wonderful	adj	tuyệt vời
2. complete sth	v	hoàn thành xong (cái gì đó)
completion	n	sự hoàn thành xong
3. gifts = presents	n	quà
4. intend to (do sth)	v	có ý định sẽ (làm gì đó)
5. decorate sth	v	trang trí
decoration	n	sự trang trí
6. (in) nature	n	(trong) tự nhiên
7. display sth	v	trưng bày cái gì đó
8. vase	n	bình hoa
9. bowl	n	tô chén
10. clay	n	đất sét



Điền vào chỗ trống với từ thích hợp để hoàn thành câu

1. She uses her bottle collection to _____ her house. It looks so beautiful.
2. I really love this _____ of rice. It is decorated with colorful patterns.
3. It usually takes two weeks to _____ one carved egg-shell.
4. My younger brother likes playing with _____. He usually makes lot of animals such as buffaloes, tigers, and ducks from it.
5. Nick and I _____ to go to the supermarket this afternoon? Would you like to join us?
6. My father sometimes _____ his carved egg-shells at the local art gallery and museum. Everyone seems to be very interesting with his work.
7. My mother usually arranges flowers with this _____. It's her favorite one.
8. I am reading a book about various animals in _____.
9. Nick usually makes hand-made _____ to give me on my birthdays.
10. The _____ of this carved egg-shell takes about two weeks.
11. I really like the _____ of the book cover. It looks attractive.
12. It's _____ to go surfing.

TỪ VỰNG 4 • Unit 1 ► My Hobbies

1. keep fit	v	giữ dáng
2. leaf → leaves	n	lá (cây)
3. briefly	adv	ngắn gọn
4. collage	n	tranh được ghép lại từ nhiều tranh nhỏ



Điền vào chỗ trống với từ thích hợp để hoàn thành câu

1. My English teacher introduced himself _____ and began his lesson.
2. Collect as many pictures as possible, then glue them together. Finally, show and describe your _____ to your class.
3. My sister eats healthily and does exercise regularly to _____.
4. I usually help my mother sweep _____ in the front yard every morning.



Biên soạn và tổng hợp bởi Lê Công Đức



Đăng ký kênh để học online nhé!

Learning hard, living happily! | ►6

LIVEWORKSHEETS